

KHU SÔNG ĐÀ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

*Trần Thúy Hiền **

TÓM TẮT

Bài viết trình bày về sự ra đời, tổ chức hoạt động, việc phát huy vai trò của khu căn cứ nổi Sông Đà trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế. Qua đó rút ra một số nhận xét về sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo, độc đáo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng trong việc vận dụng chủ trương của Trung ương Đảng về xây dựng căn cứ địa cách mạng tại địa bàn đô thị Đà Nẵng, bài học về xây dựng thể trận lòng dân và sự đóng góp của khu căn cứ nổi Sông Đà trong việc hình thành thế bao vây trực tiếp uy hiếp đối với các cơ quan đầu não của địch tại căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có nhiều loại hình căn cứ địa cách mạng. Khu căn cứ nổi Sông Đà ở Đà Nẵng cũng là một loại căn cứ điển hình, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ ở thành phố Đà Nẵng - nơi có căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất miền Nam. Vấn đề làm sáng tỏ về sự ra đời, tổ chức hoạt động, việc phát huy vai trò của khu căn cứ nổi này trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cũng được đặt ra đối với các nhà nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ đường lối quân sự, chính trị cùng phương pháp cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta được vận dụng ở các địa phương, trong đó có địa bàn đô thị.

2. Nội dung

2.1. Sự hình thành và phát triển của khu căn cứ nổi Sông Đà

Sau thất bại trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, thực dân Pháp tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược ở Đông Dương. Tại Đà Nẵng, địch ra sức đôn quân bắt lính, tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh, âm mưu biến nơi đây thành căn cứ quân sự và khu hậu cần lớn nhất ở miền Trung. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng là: *“mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay cả sau lưng địch, trong ruột địch và tổ chức căn cứ địa không những ở rừng núi mà ngay cả ở đồng bằng”*[1, 180], tháng 3/1950, Khu ủy khu V và Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ quyết định thành lập khu Sông Đà, mật danh là B36. Đây là khu căn cứ nổi bao gồm tất cả ngư dân và những người sống bằng nghề sông biển từ Cẩm Lệ xuống dọc sông Hàn, vòng quanh qua Vũng Thùng với khoảng 11.000 dân, trong đó có 2 vạn ghe và cư dân trên bờ tạo thành 2 xã Lỗ Sài và Hóa Sơn thuộc xã Hòa Cường. Từ khi được thành lập đến khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết, khu căn cứ nổi Sông Đà đóng vai trò quan trọng trong việc nắm chắc tình hình địch qua những tin tức và hoạt động ở Cảng Đà Nẵng, ở các bến bãi kho tàng, phá hoại tiềm lực kinh tế, quân sự của địch, xây dựng thực lực cách mạng trong công nhân lao động, nuôi giấu cán bộ vào hoạt động, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của nhân dân chống mọi âm mưu thủ đoạn của địch góp phần đáng kể vào việc kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp trên phạm vi cả nước.

Từ cuối năm 1954, Thành ủy Đà Nẵng vào đóng cơ quan tại khu Sông Đà và trực tiếp chỉ đạo phong trào nơi đây. Từ sự chỉ đạo của Thành ủy, để tạo điều kiện cho cán bộ trụ bám hoạt động lâu dài, đảng viên và quần chúng Sông Đà tổ chức đào hàng chục hầm bí mật ở Cồn Nổi và Cồn Bồi, xây dựng những công sự bí mật trên những ghe thuyền nòng cốt để nuôi giấu cán bộ. Ở Sông Đà, các tổ chức Đảng, đoàn thể không ngừng được xây dựng, củng cố. Đến năm 1966, “ở Sông Đà đã phát triển 200 đảng viên, 6 chi bộ, 6 chi đoàn thanh niên nhân dân cách mạng gồm 100 đoàn viên và 220 hội viên, có 6 chi hội phụ nữ giải phóng gồm 500 hội viên, xây dựng hơn 2.000 quần chúng tốt và 340 gia đình cơ sở nuôi giấu cán bộ” [6, 239]. Nhờ đó, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, phong trào cách mạng ở đây luôn diễn ra sôi nổi, quyết liệt khiến cho kẻ địch phải run sợ.

2.2. Vai trò của khu Sông Đà trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

2.2.1. Về chính trị:

Từ năm 1954 đến năm 1958, khu Sông Đà là nơi đóng cơ quan của Thành ủy. Với tổ chức Đảng hoạt động mạnh, cơ sở quần chúng trung kiên, Đảng bộ và nhân dân khu Sông Đà đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ nơi đóng cơ quan của Thành ủy, của Đảng bộ khu Sông Đà trong nhiều năm liền. Các đồng chí cán bộ từ cao cấp đến sơ cấp đã được nhân dân che chở, nuôi dưỡng gồm có Trương Chí Cương - Khu ủy viên Liên khu V, Bí thư liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng; Nguyễn Thành Long, Trần Lung, Nguyễn Tấn Ứng - Bí thư Thành ủy Đà Nẵng; Đoàn Tiềm, Trần Mỹ Lợi, Nguyễn Duy Hưng, Trần Chiến, Nguyễn Duy Nhất, Lê Đình Cả, Trần Nhanh, Đinh Lữ, Trần Hữu Cừ...

Trong những năm 1955, 1957, khu Sông Đà là nơi Thành ủy tổ chức 2 lần Hội nghị bàn về đấu tranh chống chống địch phá hoại việc thi hành Hiệp định Genève, đòi Hiệp thương Tổng tuyển cử, chống âm mưu tổ Cộng, diệt Cộng của địch.

Không chỉ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cán bộ, cơ quan của Đảng, khu Sông Đà còn là địa bàn luôn đi đầu các phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, chống các cuộc “trung cầu dân ý”, bầu cử quốc hội và các đợt “tổ Cộng” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Ngư dân Sông Đà sử dụng nhiều hình thức, khi đấu tranh trực diện, lúc đưa kiến nghị, viết đơn thư gửi đến Ủy ban Hội nghị quốc tế, lần tránh không đi mittinh, hội họp, bầu cử do chúng tổ chức...

Do địch khủng bố gắt gao, giai đoạn 1956-1958, nhiều cơ sở đảng và quần chúng bị vỡ. Đến đầu những năm 60, cơ sở cách mạng dần được phục hồi, phong trào cách mạng nơi đây bước vào giai đoạn mới. Đặc biệt là sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm (1.11.1963), nhiều cuộc đấu tranh của ngư dân Sông Đà. Dưới hình thức đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ diễn ra quyết liệt. Trong cuộc đấu tranh chống thuế thương cảng diễn ra vào ngày 30.8.1964, quần chúng được tổ chức thành các đoàn biểu tình, tuần hành trên các đường phố như Bạch Đằng, Quang Trung... Nhiều vị lão ngư đã dũng cảm xông thẳng vào Tòa Thị chính thành phố đưa đơn đòi chính quyền Đà Nẵng phải thực hiện các yêu cầu của ngư dân. Trước tinh thần đấu tranh quyết liệt của quần chúng Sông Đà, chính quyền buộc phải chấp nhận yêu sách.

Cuối tháng 8.1964, hàng ngàn ngư dân Sông Đà tham gia biểu tình qua các đường phố lớn với các khẩu hiệu “Phản đối Hiến chương Vũng Tàu ngày 16.8.1964”, “Đả đảo chế độ độc tài quân phiệt”... Từ phong trào này, ngư dân Sông Đà cùng với nhân dân Đà Nẵng, Sài Gòn, Huế buộc Nguyễn Khánh và bọn tay chân phải tuyên bố thu hồi Hiến chương Vũng Tàu. Hơn thế, hệ quả của phong trào còn *“làm cho không những bộ máy thống trị ở Đà Nẵng bị tê liệt, mà còn làm lay chuyển toàn bộ hệ thống nguy quyền Sài Gòn ”* [9, 251].

Ngày 20.9.1965, được sự lãnh đạo của Thành ủy và tổ chức đảng địa phương, hơn 1.000 ngư dân Sông Đà tập trung trước Tòa Thị chính thành phố với các khẩu hiệu đòi chính quyền giải tỏa giới nghiêm và cho phép ngư dân được tự do đi lại trên sông, trên biển để đánh bắt hải sản, phản đối Mỹ đổ sắt vụn xuống biển. Cuộc biểu tình lôi kéo thêm hàng ngàn quân chúng thành phố tham dự khiến cho kẻ địch hoảng hốt. Chính quyền Đà Nẵng cho xe bọc thép và lực lượng đến để đàn áp cuộc đấu tranh và đã *“ bắt trên 100 cán bộ nòng cốt của ta đem về giam giữ tại sân vận động của thành phố và sau đó xử bắn 2 cán bộ lãnh đạo (đồng chí Lắm và đồng chí Chơn), đưa về giam ở nhà lao nhiều đồng chí khác ”* [1, 10]

Cuộc đấu tranh ngày 20.9.1965 của ngư dân Sông Đà mặc dù lực lượng cách mạng tổn thất nhưng nó được xem như là *“cuộc biểu dương lực lượng, có tác dụng thức tỉnh nhân dân nội thành và mở đầu cho phong trào chống Mỹ của Đà Nẵng ”* [3, 5] đồng thời *“góp phần tạo thế mất ổn định về an ninh trật tự đối với kẻ địch trên địa bàn Đà Nẵng ”*[6, 254]

Trong cuộc nổi dậy làm chủ thành phố của nhân dân Đà Nẵng (3/1966 - 5.1966), quân chúng Sông Đà trở thành lực lượng mũi nhọn tấn công vào Tòa Thị chính, góp phần làm tê liệt bộ máy chính quyền địch ở Đà Nẵng. Nhiều ngư dân dũng cảm chiến đấu chống trả quyết liệt lại quân Thiệu - Kỳ khi chúng đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.

Ngày 3 tháng 9 năm 1967, Thiệu - Kỳ tổ chức bầu cử tổng thống và thượng viện nhằm hợp thức hóa việc cầm quyền. Phần lớn ngư dân Sông Đà thực hiện tẩy chay cuộc bầu cử này, tại nhiều điểm bỏ phiếu, người dân không đi bỏ phiếu.

Tháng 4 năm 1972, được sự lãnh đạo của Quận ủy Quận III, ngư dân Sông Đà đấu tranh đòi mở rộng quyền tự do dân chủ, không được đổ sắt thép phế liệu xuống biển, giảm giá xăng dầu và các mặt hàng phục vụ nghề cá đồng thời kết hợp với khẩu hiệu chính trị như đòi chấm dứt chiến tranh... Chính quyền buộc phải chấp nhận những yêu sách này và ra lệnh cho các tàu chiến không được đổ sắt thép phế liệu xuống vịnh Đà Nẵng.

2.2.2. Về quân sự :

Khu Sông Đà là nơi duy nhất của Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức nhiều chuyến vượt biển, đưa cán bộ vào Nam ra Bắc, góp phần vào việc mở đường giao thông vận tải trên biển.

Mở đầu là chuyến đưa đồng chí Trương Chí Cương cùng hơn 20 cán bộ từ Sông Đà đi Bình Định bằng đường biển vào tháng 11.1954. Sau thành công của chuyến đi này, từ năm 1955 đến đầu năm 1958, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thống nhất Trung ương, khu Sông Đà và đường dây C2 (tên công khai là Tập đoàn đánh cá Sông Đà ở cửa biển Nhật Lệ - Quảng Bình, có trạm liên lạc ở Vĩnh Mốc - Vĩnh Linh) đảm nhận vận chuyển thuốc men, giấy bạc, tài liệu máy móc cho Thành ủy đồng thời tổ chức nhiều chuyến vượt biển đưa cán bộ từ Đà Nẵng ra Bắc, hoặc từ Bắc vào.

Đứng chân ngay trong lòng căn cứ quân sự của Mỹ - nguy, khu Sông Đà trở thành địa bàn tiêu biểu của 3 mũi giáp công, và là một trong những đơn vị đi đầu đánh Mỹ.

Ngay khi vừa đặt chân đến Đà Nẵng, quân Mỹ liên tiếp bị quân dân Sông Đà giáng cho những đòn thích đáng. Được sự chỉ đạo của Thành ủy Đà Nẵng, đêm 26 rạng ngày 27.3.1965, các chiến sĩ tổ đặc công đánh thủy Sông Đà sử dụng thuốc nổ, thực hiện nhiệm vụ đánh chiếc tàu US.LST550 của Mỹ trên sông Hàn ngay trong đêm khi địch chưa kịp bốc dỡ hàng hóa. Trận đánh đã làm cho *“toàn bộ phương tiện chiến tranh và lính trên tàu đều bị tiêu diệt, trong đó có 70 chiếc xe jeep và hàng trăm súng đại liên 12,7 ly”* đồng thời còn *“gây rung động bọn thủy thủ Mỹ đang làm nhiệm vụ chở vũ khí, phương tiện chiến tranh vào cảng Đà Nẵng và bọn nguy quyền ở Đà Nẵng”* [6, 247]

Tiếp sau trận thắng này, vào lúc 3 giờ chiều ngày 5.4.1964, Lê Độ, đặc công Sông Đà đã đặt quả mìn giấu trong vỏ bọc của máy thu thanh vào nơi ngồi gần nhất của 20 tên lính Mỹ trong khách sạn Caraven trên đường Bạch Đằng. Đến giờ hẹn, mìn không nổ, sợ kế hoạch bị lộ, anh lấy mìn mang đi và bị chúng bắt khi chưa kịp thoát ra ngoài đường phố. Trận đánh của Lê Độ không thành, nhưng nó *“có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào thi đua quyết chiến thắng giặc Mỹ xâm lược của quân dân Đà Nẵng, Quảng Đà”* [2, 211].

Tiếp nối tinh thần của Lê Độ, phục vụ cho trận tấn công của lực lượng vũ trang thành phố vào sân bay Đà Nẵng tháng 6.1965 và Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, ngư dân đóng góp hàng trăm chiếc thuyền lớn nhỏ để đưa bộ đội qua sông Cẩm Lệ vào thành phố.

Trong những năm 1969 - 1971, Đảng bộ và nhân dân Sông Đà còn đẩy mạnh hoạt động diệt ác phá kìm trừng trị thích đáng nhiều tên ác ôn, gây được nhiều tiếng vang và khiến cho bọn tề điệp tại Đà Nẵng nao núng tinh thần.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, lực lượng khởi nghĩa ở Sông Đà đã nhanh chóng chiếm Đài phát thanh, kho An Đồn... vận động phần lớn lính nguy trên địa bàn Quận III tự động rã ngũ, góp phần giải phóng hoàn toàn thành phố vào ngày 29.3.1975.

2.2.3. Về kinh tế

Mặc dù không phải là nơi trực tiếp sản xuất tự cấp tự túc nhưng người dân khu Sông Đà đã có những đóng góp đáng kể cho cách mạng.

Tháng 8.1964, hưởng ứng phong trào ủng hộ quỹ nuôi quân do Đảng ủy Sông Đà phát động, Chi bộ 230 (V230) vận động ngư dân tham gia “*đóng góp cao nhất với tổng số tiền lên đến 7 triệu đồng/năm*” [6, 242]. Ở Nại Hiên Đông, có nhiều gia đình mỗi năm ủng hộ “*20.000 đồng, một số tiền khá lớn lúc bấy giờ như các gia đình ông Lê Công Tuyền, Đặng Man, Huỳnh Văn Đình, Đặng Đình Trương, Ngô Minh, gia đình bà Huỳnh Thị Chương, Huỳnh Thị Thái, Nguyễn Sửu, Nguyễn Thị Hót...*” [7, 99]. Đặc biệt chỉ riêng, ông Đình Văn Thìn ở đây đã “*chuyển ra vùng giải phóng 50 vỉ thuốc kháng sinh, 40 vỉ thuốc bổ, 2 đồng hồ đeo tay và 90.000 đồng để ủng hộ cho cách mạng*” [7,112].

Chỉ trong thời gian từ tháng 8 năm 1972 đến đầu năm 1975, nhân dân Nại Hiên Đông “*đóng góp được 300.000 đồng tiền nuôi quân*” [7, 114].

3. Một số nhận xét

Nghiên cứu về căn cứ nổi Sông Đà trong kháng chiến chống Mỹ, có thể rút ra một số vấn đề sau:

Thứ nhất, khu Sông Đà là vùng căn cứ cách mạng nằm xen trong lòng địch. Tận dụng lợi thế của vùng sông nước, địa bàn này được xây dựng trở thành vùng căn cứ nổi, nơi hoạt động, bám trụ an toàn của Thành ủy, Đảng bộ khu Sông Đà; nơi triển khai các trận đánh quan trọng, nơi nuôi dưỡng những phong trào cách mạng sôi nổi... Có thể nói ngay trên địa bàn địch kiểm soát gắt gao, một vùng căn cứ cách mạng vẫn đứng vững, phát huy vai trò đối với cuộc kháng chiến tại địa phương. Đây là sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo, một điểm độc đáo trong chiến lược xây dựng căn cứ cách mạng của Đảng ta.

Thứ hai, khu Sông Đà là vùng căn cứ cách mạng điển hình của thể trận lòng dân. Với một thể trận lòng dân vững chắc, trong những thời điểm khó khăn, thử thách nhất của phong trào cách mạng, tổ chức Đảng vẫn được giữ vững, khu Sông Đà thực sự trở thành hậu phương, chỗ dựa trực tiếp bảo đảm cung cấp sức người, sức của cho các trận đánh của lực lượng vũ trang cách mạng.

Thứ ba, sự tồn tại, đứng vững của khu Sông Đà góp phần quan trọng vào việc hình thành thế bao vây trực tiếp uy hiếp đối với các cơ quan đầu não của địch tại căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng. Các trận tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng vào những nơi đóng quân của Mỹ ngay trong thành phố cùng với phong trào đấu tranh của nhân dân đã gây cho kẻ địch nhiều tổn thất nặng nề, khiến cho nội bộ chúng trở nên hoang mang, dao động và làm nhụt ý chí chiến đấu. Tuy nhiên cũng cần thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế trong lãnh đạo đấu tranh ở đây, đó là: “*Phương thức tổ chức còn sơ hở, thiếu ngăn cách bí mật. Có lúc chủ quan, thiếu cảnh giác, đánh giá tình hình thiếu chính xác nên khẩu hiệu chưa phù hợp*” [6, 324]. Những khuyết điểm này đã làm cho một số cuộc đấu tranh của quần chúng tổn thất, phong trào có đôi lúc lắng xuống một thời gian. Dầu vậy, với những đóng góp quan trọng của mình, khu Sông Đà đã trở thành “*một trong những trang sử vàng của khu Đông (quận Ba) của thành phố Đà Nẵng, của Quảng Nam - Đà Nẵng*” [8, 37].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Báo cáo Tổng kết 18 năm của phong trào thành phố Đà Nẵng* (viết năm 1973), tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
- [2] Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Đà Nẵng (2002), *Lịch sử Lực lượng Vũ trang nhân dân thành phố Đà Nẵng 1945 - 2000*, NXBQĐND.
- [3] *Dự thảo Đề cương Một số nét tình hình về phương hướng thành phố Đà Nẵng* (1974), tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, NXB CTQG.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng bộ Quận Thanh Khê (2010), *Lịch sử Đảng bộ Quận Sơn Trà (1930 - 1975)*, NXB Đà Nẵng
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam - BCH Đảng bộ Quận Sơn Trà (2010), *Lịch sử Đảng bộ Quận Sơn Trà (1930 - 1975)*, NXB Đà Nẵng.
- [7] Đảng bộ Quận Sơn Trà - Đảng bộ Phường Nại Hiên Đông (2007), *Lịch sử đấu tranh cách mạng và xây dựng phường Nại Hiên Đông (1930 - 1945)*, NXB ĐN

THE SONG DA REVOLUTIONARY BASE IN THE ANTI-AMERICAN WAR

Tran Thuy Hien

Danang School of Politics

ABSTRACT

This paper describes the formation, organization of activities, and the promotion of the role of the Song Da on-the-water revolutionary base during the anti-american war, shown in the political, military and economic aspects. Through that, the author remarks on the activeness, flexibility, creativeness, and uniqueness of the Vietnamese Communist Party (CPV) Committee of Danang City in applying the policy of Central CPV in developing revolutionary bases in the urban area of Danang City, the lesson of winning people's heart, and the contribution of the Song Da on-the-water revolutionary base in the forming of siege to overwhelm directly the headquarters of the enemies at the Danang military base.

* ThS. Trần Thúy Hiền – Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng.